

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV NHIỆT ĐIỆN THỦ ĐỨC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v công bố thông tin năm 2022 của Công ty
TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức theo Nghị định
47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021

Kính gửi: Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Thực hiện theo văn bản số 3504/EVN-KH+PC ngày 22/06/2021 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc công bố thông tin Doanh nghiệp theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ;

Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức công bố thông tin năm 2022 của Công ty như sau:

1. Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (Đính kèm Biểu số 3).

2. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội năm 2022 (Đính kèm Biểu số 4)/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGD (Đề biết);
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước (Bản giấy);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Bản giấy);
- P. KTAT (Đề công bố thông tin);
- P. HCLĐ (Đề công bố thông tin);
- Lưu: VT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Thanh Tuyền

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

– Đánh giá kết quả hoạt động SXKD:

+ Trong năm 2022 sản lượng điện sản xuất 242.481 kWh (Kế hoạch EVN giao là 0 triệu kWh).

+ Kết quả hoạt động SXKD của Công ty lãi 9,13 tỷ đồng đạt 177,97% so với kế hoạch lợi nhuận (9,13 tỷ đồng/5,13 tỷ đồng).

- Tổng doanh thu là 77,72 tỷ đồng.
- Tổng chi phí trước thuế là 68,59 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là 9,13 tỷ đồng.

+ EVN đã giao chỉ tiêu về lao động phù hợp với yêu cầu của hoạt động SXKD.

– Thuận lợi, khó khăn:

+ Công ty Nhiệt điện Thủ Đức là đơn vị dịch vụ phụ trợ, không tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, sản lượng điện sản xuất phụ thuộc vào nhu cầu huy động của Trung tâm Điều độ Hệ thống hệ Quốc gia (A0).

+ Thuận lợi: Được sự hỗ trợ từ EVN, Công ty đảm bảo được dòng tiền cho hoạt động SXKD, đáp ứng được khả năng thanh toán nợ, không có nợ quá hạn.

+ Khó khăn: Các tổ máy không được huy động phát điện. Do đó, lượng nhiên liệu tồn kho cao so với định mức nhiên liệu tồn trữ và làm tăng giá trị tồn kho gây khó khăn về nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	<i>Sản lượng điện sản xuất</i>	<i>Triệu kWh</i>	0	0,24	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	85,65	77,72	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,13	9,13	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4,10	7,30	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	21,96	10,91	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	-	-	
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)		-	-	
8	Tổng số lao động	Người	126	119	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	29,20	27,11	
a)	<i>Quỹ lương quản lý</i>	<i>Tỷ đồng</i>	1,36	1,33	
b)	<i>Quỹ lương lao động</i>	<i>Tỷ đồng</i>	27,84	25,78	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Trong năm 2022, Công ty không có Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia	Không có						
Dự án nhóm A	Không có						
Dự án nhóm B	Không có						

**Biểu số 4: BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH
 VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI NĂM 2022**

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
1.1	Sản phẩm 1				
1.2	Sản phẩm 2				
.....					
2	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm				
3	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm				

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Công ty thực hiện kiểm tra công tác bảo vệ môi trường hàng quý; rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện các quy định về công tác BVMT. Phối hợp với đơn vị có chức năng, thực hiện quan trắc, giám sát môi trường đầy đủ theo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), theo các yêu cầu của Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, Giấy phép khai thác nước mặt và báo cáo công tác môi trường định kỳ cho cơ quan chức năng theo quy định.

Thực hiện quản lý tốt chất thải nguy hại (CTNH), năm 2022 đã thu gom và giao toàn bộ CTNH phát sinh cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

Công ty triển khai thực hiện Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hoá chất theo đúng nội dung được phê duyệt.

Năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện giám sát đầy đủ theo yêu cầu của ĐTM, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, quản lý tốt CTNH và các yêu cầu khác đúng

quy định. Công ty triển khai tuyên truyền và thực hiện phân loại rác tại nguồn đúng chủ trương Luật BVMT 2020. Vừa qua Công ty đã sửa chữa mặt bằng ở một vài khu vực và trồng nhiều cây xanh, thảm cỏ, vét mương, sửa chữa hệ thống thoát nước toàn nhà máy..., tạo được cảnh quan môi trường trong Công ty luôn xanh, sạch, đẹp.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.

Trong năm 2022 Công ty đã đóng góp cho cộng đồng xã hội như sau:

- Công đoàn thăm hỏi đoàn viên Công đoàn gặp khó khăn: 24,25 triệu đồng.
- Công đoàn đóng góp quỹ tương trợ xã hội CĐ EVN: 11,54 triệu đồng.
- Công đoàn đóng góp ủng hộ Quỹ "Nữ CNVC LĐ EVN": 4,40 triệu đồng.
- Công đoàn chăm lo tết cho CBCNV: 72,60 triệu đồng.
- Chăm lo tết cho CBCNV, chúc tết lúc CBCNV nghỉ hưu: 573 triệu đồng.
- Chi tiền hỗ trợ chăm lo tết Nguyên đán 2022 cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Phường Trường Thọ: 5 triệu đồng.
- Chi tiền ủng hộ cho sự nghiệp khuyến học, khuyến tài của KP7-UBND Phường Trường Thọ: 5 triệu đồng

3. Trách nhiệm với nhà cung cấp.

Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với nhà cung cấp.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

Công ty đảm bảo máy móc, thiết bị, vận hành an toàn, ổn định và đáp ứng theo yêu cầu của Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia (A0).

5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.

Công ty đảm bảo chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động kịp thời, đầy đủ và đúng quy định.